

Số: 179 /TB-QBVR

Điện Biên, ngày 07 tháng 6 năm 2023

### THÔNG BÁO

**Tiền chi trả bình quân 01 ha rừng đủ điều kiện cung ứng dịch vụ môi trường rừng thuộc lưu vực nội tỉnh năm 2022 trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

Kính gửi:

- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- BQL rừng DTLS và CQMT Mường Phăng;
- BQLR phòng hộ huyện Mường Chà; Tuần Giáo; Điện Biên.

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 916/QĐ-UBND, ngày 06/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng đối với số tiền chưa xác định được đối tượng nhận tiền dịch vụ môi trường rừng từ năm 2021 – 2022 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ số tiền được uỷ thác của các nhà máy thủy điện, nhà máy nước sạch và nhà máy sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên (nội tỉnh), về chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh năm 2022 và lãi tiền gửi ngân hàng; số liệu diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2022 do Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng phối hợp với Chi cục Kiểm lâm, hạt Kiểm lâm và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có diện tích rừng cung ứng DVMTR.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo tiền chi trả tiền DVMTR, bình quân 01 ha rừng đủ điều kiện cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2022 thực hiện chi trả cho các chủ rừng thuộc lưu vực nội tỉnh theo quy định như sau:

#### 1. Đơn giá các Nhà máy thủy điện, Nhà máy nước năm 2022

TT	Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng	Diện tích rừng quy đổi được chi trả thuộc lưu vực (ha)	Số tiền chi trả bình quân 01 ha (đồng)	Ghi chú
1	Nhà máy thủy điện Thác Báy	5.014,27060	79.886	
2	Nhà máy thủy điện Thác Trắng	2.742,90690	230.177	
3	Nhà máy thủy điện Nà Lơi	5.069,69705	357.133	

TT	Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng	Diện tích rừng quy đổi được chi trả thuộc lưu vực (ha)	Số tiền chi trả bình quân 01 ha (đồng)	Ghi chú
4	Nhà máy thủy điện Pá Khoang	2.673,78190	123.497	
5	Nhà máy thủy điện Nậm He	12.083,85644	167.341	
6	Nhà máy thủy điện Nậm Mức	30.371,27197	206.618	
7	Nhà máy thủy điện Nậm Khẩu Hu	2.564,86950	240.959	
8	Nhà máy thủy điện Na Son	2.140,26900	213.052	
	Nhà máy thủy điện Nậm Núa + CTTNHH Hiệp thành tỉnh Điện Biên	34.038,39370	38.570	
	Số tiền điều tiết từ số tiền chưa xác định được đối tượng nhận từ năm 2021-2022 theo QĐ số 916/QĐ-UBND 06/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên			
9	<i>Điều tiết thuộc khu vực II, III bù đủ 400.000đ/ha/năm cho diện tích rừng đủ điều kiện chi trả DVMTR năm 2022</i>	17.290,85016	361.430	
	<i>Điều tiết thuộc khu vực I bù đủ 300.000đ/ha/năm cho diện tích rừng đủ điều kiện chi trả DVMTR năm 2022</i>	7.775,08885	261.430	
10	Nhà máy thủy điện Trung Thu	54.020,29240	91.679	
11	Nhà máy thủy điện Nậm Mu 2	11.868,60640	117.757	
12	Nhà máy thủy điện Long Tạo	22.644,83152	226.642	
13	Nhà máy thủy điện Nậm Pay	2.138,54200	286.189	
14	Nhà máy thủy điện Huổi Vang	10.966,81114	55.657	

TT	Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng	Diện tích rừng quy đổi được chi trả thuộc lưu vực (ha)	Số tiền chi trả bình quân 01 ha (đồng)	Ghi chú
15	Nhà máy nước thành phố Điện Biên Phủ	2.564,86950	81.069	
	Số tiền điều tiết từ số tiền chưa xác định được đối tượng nhận từ năm 2021-2022 theo QĐ số 916/QĐ-UBND 06/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên	63,63000	39.402	
16	Nhà máy nước huyện Mường Chà	81,48451	120.266	
17	Nhà máy nước thị xã Mường Lay	1.129,42800	9.001	
18	Nhà máy nước Tuần Giáo	447,49620	38.131	
19	Nhà máy nước Tủa Chùa	69,14290	177.946	
20	Nhà máy nước Điện Biên Đông	17,17900	312.142	

## 2. Đơn giá Nhà máy thủy điện Nậm Pay, Huổi Vang năm 2021

STT	Lưu vực	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
1	Nhà máy thủy điện Nậm Pay	1.939,08900	183.467	
2	Nhà máy thủy Điện Huổi Vang	10.320,43474	5.249	

*Mọi vướng mắc xin liên hệ với đường dây nóng của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên, số điện thoại liên hệ: 0326.771.661.*

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh đề nghị UBND các xã, phường, thị trấn  
niêm yết, công khai và thông báo đến các chủ rừng biết để làm căn cứ theo dõi,  
giám sát, thực hiện. / . jn jv

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQLQ (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Ban Giám đốc Quỹ;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh;
- Phòng chuyên môn BDH Quỹ (T/h);
- Đăng tải trên trang thông tin điện tử Quỹ Bảo vệ và PTR tỉnh Điện Biên, địa chỉ: <http://fpdf.dienbien.gov.vn>;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Xuân Tâm**

*Ghi chú: Đối với nhà máy thủy điện: Nậm He, Nậm Múc, Nậm Pay, Huổi Vang, Nậm Mu 2, Trung Thu, Long Tạo; nhà máy nước huyện Mường Chà, Tủa Chùa có một số diện tích thuộc huyện Nậm Pồ, Mường Chà, Tủa Chùa không được chi trả đủ 12 tháng (do UBND các huyện ban hành quyết định giao đất, giao rừng vào các tháng trong năm 2022). Vì vậy đối với những diện tích rừng không được chi trả đủ 12 tháng/năm, đơn giá chi trả sẽ bằng đơn giá chi trả của nhà máy chia cho 12 tháng sau đó nhân với số tháng thực tế được nhận tiền.*